

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-ST

Ngày: 11/11/2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Lý Tuấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/QĐST-DS, ngày 28 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/QĐST-DS, ngày 19 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Ngọc N – sinh năm 1991, có mặt.

Địa chỉ: ấp x, thị trấn VV, huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc K – sinh năm 1979, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp AB, xã ĐA, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Nh – sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: ấp AB, xã ĐA, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2022, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Ngô Ngọc N như sau:

Vào ngày 15/02/2017, bà cho ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh vay số tiền 100.000.000 đồng, ông Trần Quốc K hứa một năm sau sẽ trả lại số tiền này nhưng cho đến nay vợ chồng ông K và bà Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Khi cho vay, ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh có ký biên nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng.

Vào ngày 19/11/2021, bà có nhờ ban lãnh đạo ấp An Bình, xã Định An, huyện Gò Quao lập biên bản xác nhận số nợ trên và ông Trần Quốc K có ký vào biên bản thừa nhận nợ bà số tiền 100.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Quao buộc ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh phải trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng, trả dứt một lần và bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Quốc K trình bày trong bản tự khai ngày 25/8/2022 như sau: Vào ngày 15/02/2017, ông có mượn của bà Ngô Ngọc N 100.000.000 đồng. Sau đó, ông có trả cho bà N nhiều lần với tổng số tiền bằng 30.000.000 đồng. Số tiền trả từng lần nên ông không nhớ trả vào thời gian nào, lúc trả tiền thì không có làm giấy tờ gì mà chỉ nói miệng với nhau. Vợ ông là Ngô Thị Nh đã đưa tiền cho bà N chứ ông không có đưa nên ông không có chứng cứ gì để chứng minh. Hiện nay, ông chỉ nợ bà N 70.000.000 đồng, ông xin trả dần số tiền này hàng tháng, mỗi tháng ông trả 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 70.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Nh trình bày:

Vào ngày 15/02/2017, vợ chồng bà có vay của bà Ngô Ngọc N số tiền 100.000.000 đồng, khi nhận tiền vợ chồng bà có ký biên nhận nợ cho bà N. Mục đích vợ chồng bà vay tiền là để làm ăn, mua bán thức ăn, nuôi heo. Hiện nay, vợ chồng bà vẫn còn nợ bà N số tiền 100.000.000 đồng và chưa trả được đồng nào cho bà N. Trong gia đình, ông K rất gia trưởng, ông K giữ toàn bộ tiền bạc, ông K đi bỏ nợ heo, ông K gom được tiền bán thức ăn thì về im luôn không nói gì với bà. Bên ngoài, ông K cặp kè với nhiều người phụ nữ khác và đem tiền của gia đình cho người ta. Mỗi lần bà kêu ông K đưa trả tiền cho bà N thì ông K cứ nói để đó đi, còn làm ăn chưa trả. Ông K nói đã trả cho bà N 30.000.000 đồng là không đúng sự thật, bà khẳng định vợ chồng bà chưa trả cho bà N được đồng nào hết vì trong nhà ông K giữ hết tiền không có đưa cho bà thì bà làm sao có tiền trả cho bà N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Ngọc N yêu cầu ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh phải trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, đồng thời phải trả dứt 01 lần.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Nh thừa nhận hiện nay bà và ông Trần Quốc K vẫn còn nợ bà Ngô Ngọc N số tiền 100.000.000 đồng và bà đồng ý trả hết số tiền này cho bà N.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt là không tuân thủ pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt ông K là phù hợp.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Ngọc N số tiền 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Ngô Ngọc N với vợ chồng ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Trần Quốc K vắng mặt tại phiên tòa 03 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt ông K.

[2] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa bà Ngô Ngọc N và bà Trần Quốc K và ông Ngô Thị Nh là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Ngày 15/02/2017, bà Ngô Ngọc N cho ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh vay số tiền 100.000.000 đồng với hình thức vay không lãi suất. Khi vay, vợ chồng ông K và bà Nh có ký biên nhận “về việc mượn và nhận tiền” ngày 15/02/2017. Sau đó, vợ chồng ông K, bà Nh không trả nợ nên bà Ngô Ngọc N đã làm đơn gửi Ban lãnh đạo ấp An Bình, xã Định An, huyện Gò Quao giải quyết. Ngày 19/11/2021, ông Trần Quốc K ký vào “biên bản xác nhận công nợ” thừa nhận còn nợ bà N số tiền 100.000.000 đồng.

[4] Tại bản tự khai ngày 25/8/2022, ông Trần Quốc K thừa nhận có vay của bà Ngô Ngọc N 100.000.000 đồng nhưng ông Trần Quốc K khai rằng vợ ông đã trả cho bà N 30.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ bà N 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông K không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả số tiền 30.000.000 đồng này cho bà N. Mặt khác, bà Ngô Thị Nh vợ ông K khẳng định lời khai của ông K khai đã trả cho bà N 30.000.000 đồng là không đúng sự thật, vì vợ chồng bà chưa trả cho bà Ngô Ngọc N đồng nào và hiện vợ chồng bà vẫn còn nợ bà N số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định vợ chồng ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh hiện vẫn còn nợ bà Ngô Ngọc N số tiền 100.000.000 đồng, nên yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Ngọc N đối với số tiền đã cho ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh vay theo biên nhận ngày 15/02/2017 là có cơ sở chấp nhận. Do phía ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Ngô Ngọc N nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Ngọc N về việc buộc ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh phải trả cho bà Ngô Ngọc N số tiền 100.000.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của bà Trần Quốc K xin trả dần số tiền 70.000.000 đồng hàng tháng, mỗi tháng ông trả cho bà Ngô Ngọc N 2.000.000 đồng nhưng bà Ngô Ngọc N không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn bà Ngô Ngọc N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Nh và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc ông Trần Quốc K và Ngô Thị Nh phải nộp 5.000.000 đồng (100.000.000 đồng x 5%).

Bà Ngô Ngọc N được nhận lại 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008940, ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Ngọc N.

Xử: Buộc ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Ngọc N số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Ngô Ngọc N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh không trả đủ số tiền trên cho bà Ngô Ngọc N thì hàng tháng ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị Nh phải nộp 5.000.000 đồng.

Bà Ngô Ngọc N được nhận lại 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008940, ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM./ HỌI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang